

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI QUỐC TẾ HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI INTERNATIONAL TRANSPORT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: HA NOI ITC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107652978

3. Ngày thành lập: 01/12/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, ngõ 143 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975122188

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng các loại thủy sản	0322
2.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi,	4931
3.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý vé tàu, vé ô tô Dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông Dịch vụ đại lý tàu biển, Dịch vụ đại lý vận tải đường biển,	5229
6.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe máy, xe có động cơ khác.	7710
7.	Chuyển phát	5320
8.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
9.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
10.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thông tin qua điện thoại	6329
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng, thiết bị điện	7730

13.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	6492
14.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
15.	Quảng cáo	7310
16.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
17.	Khai thác gỗ	0221
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại	4610
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
21.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, Bán buôn thủy sản, Bán buôn rau, quả, Bán buôn cà phê, Bán buôn chè, Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, Bán buôn thực phẩm khác.	4632
22.	Vận tải bằng xe buýt	4920
23.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
25.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: Khai thác các loại thủy sản	0312
26.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước,	7830
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Khai thác thủy sản biển	0311
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh,	4932(Chính)
32.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Dịch vụ đóng gói	8292
35.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Tổ chức các buổi trình diễn tác phẩm nghệ thuật	9000
36.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu,	8219

37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh, Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao,	4649
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, Bán buôn sắt, thép, Bán buôn kim loại khác,	4662
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
42.	Cổng thông tin Chi tiết: Hoạt động điều hành website (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
43.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Bán buôn gạo	4631
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, Bán buôn xăng dầu Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4661
47.	Phá dỡ	4311
48.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
52.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
54.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
55.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ truy nhập Internet - Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng - Đại lý dịch vụ viễn thông - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông	6190
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
57.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
58.	Khai thác và thu gom than non	0520
59.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

60.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
61.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VƯƠNG THỊ LUYẾN	Thôn An Mô, Xã Lê Lợi, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	142769522	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		
2	VŨ HUY TÙNG	Thôn Đồn Sơn, Xã Yên Đức, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	62,500	100759220	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	62,500		
3	MAI THỊ HỒNG VÂN	Số 10, Tập thể Quân khu thủ đô, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	65.000	650.000.000	32,500	013468935	
			Tổng số	65.000	650.000.000	32,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI THỊ HỒNG VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013468935

Ngày cấp: 16/03/2012

Nơi cấp: CATP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10, Tập thể Quân khu thủ đô, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10, Tập thể Quân khu thủ đô, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội